

Câu 5. Hùng có 48 viên bi và có ít hơn Nam 2 viên bi. Hỏi Nam có bao nhiêu viên bi? (M2 - 0,5 điểm)

- A. 36 viên bi B. 46 viên bi C. 50 viên bi D. 60 viên bi

Câu 6. Em đi học về lúc 11 giờ. Lúc đó đồng hồ chỉ thế nào? (M1 - 0,5 điểm)

- A. Kim phút chỉ số 11, kim giờ chỉ số 11.
 B. Kim phút chỉ số 12, kim giờ chỉ số 11.
 C. Kim giờ chỉ số 12, kim phút chỉ số 6.
 D. Kim giờ chỉ số 10, kim phút chỉ số 3.

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1. Trên tấm vé tàu có ghi thời gian khởi hành là 13:00 (13 giờ). Hỏi thời gian tàu khởi hành là mấy giờ chiều? (M2 – 1 điểm)

Trả lời: giờ chiều

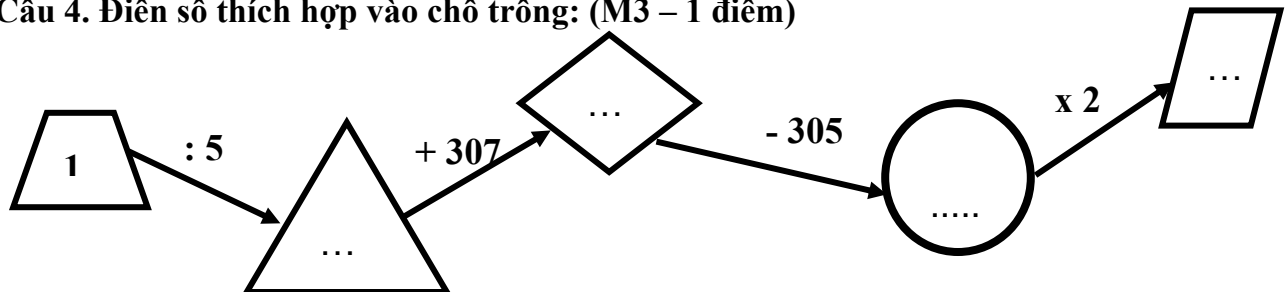
Câu 2. Đặt tính rồi tính: (1 điểm) (M2 – 1 điểm)

$362 + 25 = \dots\dots$	$167 - 130 = \dots\dots$	$528 + 124 = \dots\dots$	$609 - 145 = \dots\dots$
.....
.....
.....


Câu 3. Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ chấm: (M2 – 1 điểm)

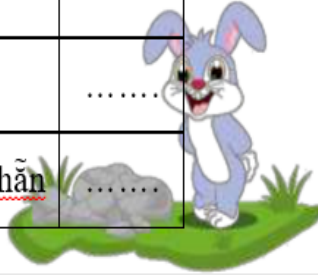
- a) 999 m 1 km b) 200cm 2m

Câu 4. Điền số thích hợp vào chỗ trống: (M3 – 1 điểm)



Câu 5. Dựa vào bảng số của Gấu, hãy tìm các con số bí ẩn điền vào bảng của Thỏ? (M3 - 1điểm)

825	426	<u>Số lớn hơn số 786</u>
786	350	<u>Số lớn hơn 315, nhỏ hơn 426</u>
500	315	<u>Số tròn trăm</u>
		<u>Các chữ số của số đó đều là số chẵn</u>



Câu 6. Mai xếp đều 30 cây bút màu vào 5 hộp. Hỏi mỗi hộp có bao nhiêu cây bút màu? (M2 - 1điểm)

Bài giải

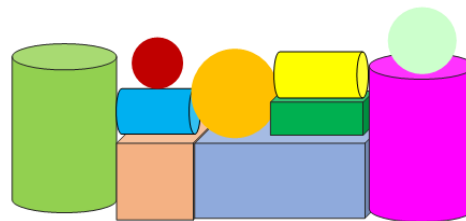
.....

.....

.....

Câu 7. Hình bên có: (M1 - 1 điểm)

-khối trụ
-khối cầu
-khối lập phương
-khối hộp chữ nhật



ĐÁP ÁN TOÁN 2D

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

- Khoanh đúng mỗi câu đạt 0,5 điểm.

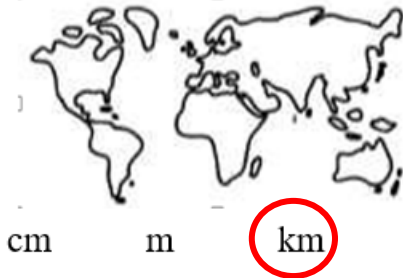
Câu 1. D. Ba trăm linh năm

Câu 2. C. 900

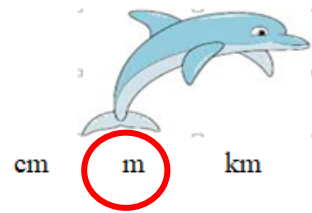


Câu 3.

Khoảng cách giữa 2 đất nước



Chiều dài thân của con cá heo



Câu 4.

Câu 5. C. 50 viên bi

Câu 6. B. Kim phút chỉ số 12, kim giờ chỉ số 11.

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1. 1 giờ chiều

Câu 2. Đặt tính rồi tính: (1 điểm)

$$362 + 25 = \underline{387} \quad 167 - 130 = 37 \quad 528 + 124 = \underline{652} \quad 609 - 145 = \underline{464}$$

- Đặt tính rồi tính đúng mỗi câu đạt 0,25 điểm.

- Đặt tính không thẳng cột 2 phép tính trừ 0,25 điểm.

- Không mang kết quả lên bài tính ngang 4 phép tính trừ 0,25 điểm.

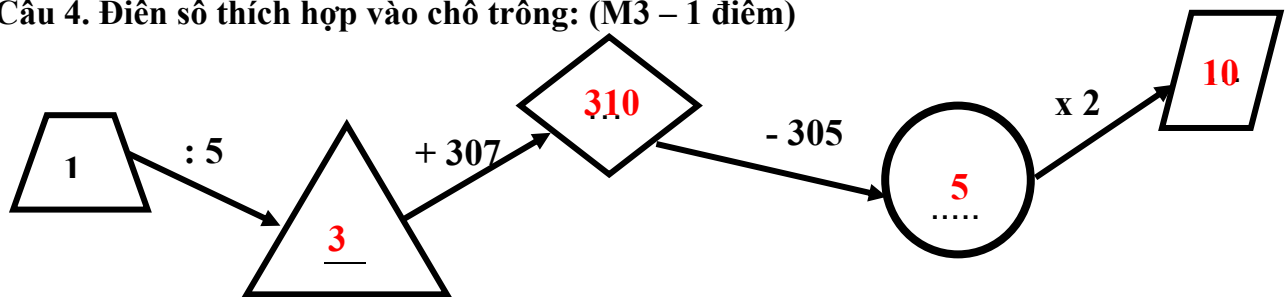
Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: (1 điểm)

a) a) $999 \text{ m} < 1 \text{ km}$


b) $200\text{cm} = 2\text{m}$

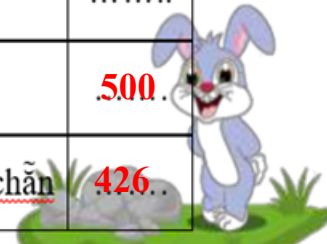
- Mỗi số điền đúng đạt 0,5 điểm

Câu 4. Điền số thích hợp vào chỗ trống: (M3 – 1 điểm)



Câu 5. - Mỗi số điền đúng theo thứ tự đạt 0,25 điểm

825	426	Số lớn hơn số 786	825..
786	350	Số lớn hơn 315, nhỏ hơn 426	350..
500	315	Số tròn trăm	500..
		Các chữ số của số đó đều là số chẵn	426..



Câu 6. (1 điểm)

Số cây bút màu mỗi hộp có: (0,5 điểm)

$$30 : 5 = 6 \text{ (cây bút) } \quad (0,5 \text{ điểm})$$

Đáp số: 6 cây bút

Câu 7. (1 điểm)

4 khối trụ

3 khối cầu

1 khối lập phương

2 khối hộp chữ nhật

Mỗi số điền đúng đạt 0,25 điểm

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI NĂM
MÔN TOÁN 2D**

Mạch kiến thức, kỹ năng	Số câu, câu số, số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Số học và xác suất thống kê	Số câu	3			1		2	3	3
	Câu số	1,2,7			2		4,5		
	Số điểm	2			1		2	2	3
Đại lượng và đo đại lượng:	Số câu	1			2			1	2
	Câu số	6			1,3				
	Số điểm	0,5			2			0,5	2
Yếu tố hình học	Số câu	1	1					1	1
	Câu số	3	7						
	Số điểm	0,5	1					0,5	1
Giải bài toán có lời văn	Số câu			1	1			1	1
	Câu số			5	6				
	Số điểm			1	1			1	1
Tổng	Số câu	5	1	1	3		2	6	7
	Số điểm	3	1	1	3		2	3	7